**TOÀ ÁN ND Q.LIÊN CHIỂU**
**THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09.4.2019
V/v tranh chấp: *"Ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, TP ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm T Thủy.**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **Bà Nguyễn Thị T Bình** và **ông Nguyễn Văn Hiển**

- *Thư ký phiên toà*: bà **Trần Thị Kim Ánh** - Cán bộ Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên toà:* **Ông Võ Quang Tiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 về "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22.3.2019, quyết định hoãn phiên tòa số 32/2018/QĐST-HN ngày 20.8.2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Vy Văn G**, sinh năm: 1961 (có mặt)
- Bị đơn: Bà **Trần Thị T,** sinh năm: 1981. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 49, phường HKB, quận L, TP. Đà Nẵng.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn ông Vy Văn G trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và cô Trần Thị T kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quế Cường, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn là do bà T nghi kỵ tôi có quan hệ tình cảm với người khác nên có những lời lẽ xúc phạm, khủng bố tinh thần của tôi đến mức tôi phải rời khỏi nhà lánh đi nơi khác để vợ chồng được yên ổn nhưng bà T vẫn tiếp tục khủng bố tinh thần tôi, đỉnh điểm là vào ngày 25.12.2018 ngoài việc xúc phạm tôi bà T còn dùng giày đánh vào mặt tôi mặc dù cố gắng giải thích nhưng vẫn không chịu nghe do vậy tôi phải tạm thời lánh xa nhà, xa các con . Vì vậy tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà T.

-Về con chung: trong thời gian chung sống tôi và cô T có 03 con chung là Vy Thị T N, sinh ngày 02.7.2006, Vy T Hà M, sinh ngày 01.6.2011 và Vy T Hà A, sinh ngày 26.7.2017, ly hôn tôi xin nuôi hai con chung T Nhi và Hà M, G cho bà T nuôi cháu Hà A. Hai bên tự nuôi con không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Tại phiên tòa hôm nay, ông G đề nghị được nuôi con chung Hà M, G hai con chung T Nhi và Hà A cho cô T nuôi dưỡng. Hai bên tự nuôi con không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung: ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết
- Về nợ chung: ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là bà Trần Thị T trình bày:**

Tôi thống nhất với lời trình bày của anh G về năm kết hôn và nơi đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn do anh G có quan hệ với người phụ nữ khác, quá bức xúc nên tôi có những lời lẽ không đúng với anh G nay tôi mong anh G suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung nếu anh G vẫn cương quyết thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết. Sau thời gian tòa án hòa giải động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng tôi thấy vẫn không có kết quả nên tôi đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa hôm nay bà T thay đổi ý kiến bà T cho rằng vì bà con thương chồng, con bà cần có cha để cùng bà chăm sóc nuôi dạy con chung nên bà sẽ thay đổi tất cả những gì bà đã xử sự không đúng với ông G mong ông G tha thứ để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy các con chung trưởng thành.

-Về con chung: trong thời gian chung sống tôi và anh G có 03 con chung là Vy Thị T N, sinh ngày 02.7.2006, Vy T Hà M, sinh ngày 01.6.2011 và Vy T Hà A, sinh ngày 26.7.2017, ly hôn tôi xin nuôi ba con chung và yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng) và đề nghị cấp dưỡng một lần.

Tại phiên tòa hôm nay bà xin đoàn tụ gia đình nên bà không đề cập đến con chung, quan điểm của bà không đồng ý với việc G Hà M cho ông G nuôi dưỡng vì bản thân bà đủ sức nuôi ba con chung và không cần ông G phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+Về tài sản chung: tôi không yêu cầu

+Nợ chung: tôi không yêu cầu.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu:**

- Về thủ tục tố tụng: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án: xét thấy về quan hệ hôn nhân mâu thuẫn của ông G và bà T đã trầm trọng, do hai bên đã có nhiều lần xảy ra xô xát, và hiện nay ông G và bà T đã không còn chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được mâu thuẫn vợ chồng đã được Công an phường Hòa Khánh Bắc xác nhận nên căn cứ vào Điều 51,56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông G.

Về con chung có 03 con chung tên là Vy Thị T N, sinh ngày 02.7.2006, Vy T Hà M, sinh ngày 01.6.2011 và Vy T Hà A, sinh ngày 26.7.2017. Đề nghị HĐXX G con chung cho Hà M cho ông G nuôi dưỡng. G hai con chung T Nhi và Hà A cho bà T nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81,Điều 82 Luật HN&GĐ.

Về cấp dưỡng nuôi con các bên tự nuôi con không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Ông G và bà T không yêu cầu nên không xét

Nợ chung: Ông G và bà T không yêu cầu nên không xét

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:*

**[1].Về thủ tục tố tụng:** Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn giữa ông Vy Văn G và bà Trần Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc G nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc G nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc G nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự không xuất trình thêm chứng cứ mới.

**[2].Về nội dung tranh chấp:** Xét yêu cầu khởi kiện của ông Vy Văn G và bà Trần Thị T thì thấy:

***- Về quan hệ hôn nhân:*** Ông Vy Văn G và bà Trần Thị T kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quế Cường, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện .

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bà T nghi ngờ ông G có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, trong quá trình giải quyết bà T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin đoàn tụ. Tại phiên tòa hôm nay bà T thay đổi ý kiến bà xét thấy các con cần có cha, bà hứa sẽ khắc phục những sai sót của mình mong ông G tha thứ và quay về để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung.

Tại phiên tòa hôm nay ông G vẫn cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn, riêng bà T vẫn thừa nhận cuộc sống hôn nhân của bà và ông G có mâu thuẫn, đã hai lần vợ chồng xảy ra xô xát lẫn nhau, và hiện tại hai người đã không còn chung sống với nhau nữa nhưng vì tương lai của con chung bà T đề nghị cả bà và ông G mỗi người đều phải nhường nhịn một chút để con có cả cha lẫn mẹ nên bà T đề nghị HĐXX xem xét tạo điều kiện cho vợ chồng được đoàn tụ. HĐXX xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông G và bà T xảy ra mâu thuẫn từ tháng 12 năm 2018 nguyên nhân do bà T nghi ngờ ông G có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đã hai lần ông G và bà T xảy ra xô xát, để cuộc sống các con không bị ảnh hưởng nên ông G đã ra ngoài sống từ đó cho đến nay.

Theo đơn xác nhận tại Công an phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng thì cuộc sống vợ chồng giữa ông G và bà T mâu thuẫn như thế nào chính quyền địa phương không rõ, nhưng hiện nay ông G đã không còn sinh sống tại nhà từ tháng 01/2019 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông G và bà T

đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông G yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51,56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

***- Về quan hệ con chung:*** ông Vy Văn G và bà Trần Thị T xác nhận có 03 con chung Vy Thị T N, sinh ngày 02.7.2006, Vy T Hà M, sinh ngày 01.6.2011 và Vy T Hà A, sinh ngày 26.7.2017. Ly hôn G xin nuôi hai con chung Hà M, G cho bà T nuôi cháu T Nhi và Hà A. Hai bên tự nuôi con không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

HĐXX thấy việc G con chung cho người trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Từ khi ông G ra ngoài sinh sống, cháu T Nhi có biểu hiện về mặt tâm lý, được sự động viên của bà T và gia đình bà T nên hiện nay cháu đã ổn định về mặt tâm lý, còn cháu Hà A còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ nên G hai con chung T Nhi và Hà A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Còn cháu Hà M G cho ông G trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của các cháu và hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xét.

***-Về tài sản chung:*** ông Vy Văn G và bà Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết

***- Về nợ chung***: ông Vy Văn G và bà Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nếu sau này có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

***- Về án phí:*** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000 đồng ông Vy Văn G phải nộp.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

***Căn cứ vào:*** -Các Điều 51, 53, 54,56,58,81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1**. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Vy Văn G đối với bà Trần Thị T.

Tuyên xử: ông Vy Văn G, sinh năm 1961, được ly hôn với bà Trần Thị T, sinh năm 1981.

Giấy chứng nhận kết hôn số 09 quyển số I/2005 của UBND xã Quế Cường, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 18.4.2005 không còn giá trị pháp lý.

**2. Về con chung**: Tuyên:

- G con chung Vy T Hà M, sinh ngày 01.6.2011 cho ông Vy Văn G trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

- G con chung Vy Thị T N, sinh ngày 02.7.2006 và Vy T Hà A, sinh ngày 26.7.2017 cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Các bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng tiền nuôi con.

**3. *Về tài sản chung, nợ chung***: ông Vy Văn G và bà Trần Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết

**4. Về án phí:** Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) ông Vy Văn G phải nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số **0005986** ngày 25.01.2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng. Như vậy, ông Vy Văn G đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

**5.** Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Liên Chiểu;
- Chi cụcThi hành án Liên Chiểu;
- UBND x Quế Cướng, h Quế Sơn Tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp
- Hồ sơ vụ án.

**Phạm T Thủy**